

III/ CƯỚC TÁC NGHIỆP CONTAINER

1/ Cước xếp dỡ container:

1.1. Đối với container hàng

1.1.1. Tác nghiệp tại cầu tàu

Bảng 05:

Đơn vị tính: VNĐ/container

TT	Phương án làm hàng	Container khô và container lạnh		
		20' DC	40' DC	45' DC
1	Sà lan – Bãi / Bãi –Sà lan	462.000	726.000	880.000
2	Sà lan – Xe / Xe - Sà lan	300.000	465.000	585.000

1.1.2. Tác nghiệp tại bãi:

Bảng 06:

Đơn vị tính: VNĐ/container

TT	Phương án làm hàng	Container khô và container lạnh		
		20'	40'	45'
1	Nâng/hạ container từ bãi - xe khách hàng (hoặc ngược lại)	242.000	418.000	506.000
2a	Hạ container hàng xuống đất phục vụ kiểm hoá	165.000	290.000	340.000
2b	<i>Cước đảo chuyển (nếu có) sẽ được thu bổ sung như sau:</i>	85.000	120.000	160.000

(tính theo số lượng container thực tế được đảo chuyển để lấy container của khách hàng – có xác nhận của TT Điều độ)

1.1.3 Các trường hợp phụ thu:

- Đối với container hàng nguy hiểm (IMDG) trừ hạt nhựa, nông sản, thực phẩm: đơn giá xếp dỡ tăng 50% so với đơn giá xếp dỡ theo từng phương án nêu trên.
- Đối với container hàng có kích thước hàng hóa vượt kích cỡ chuẩn của container thông thường không quá 03m chiều dài, hoặc 01m chiều rộng, hoặc 01m chiều cao, hoặc trọng lượng container (gồm cả hàng và vỏ container) từ trên 31 tấn đến không quá 35 tấn, trường hợp thiết bị của Cảng có thể đảm nhận xếp dỡ được: đơn giá xếp dỡ tăng 200% so với đơn giá xếp dỡ container tương ứng theo từng phương án nêu trên.
- Đối với container chứa hàng có kích thước hoặc trọng lượng hàng hóa vượt trên mức quy định tại điểm b. nêu trên, trường hợp thiết bị của cảng có thể đảm nhận được: Cảng thu phí xếp dỡ với giá thỏa thuận.
- Đối với container chứa hàng vừa nguy hiểm, vừa quá khổ/quá tải: đơn giá xếp dỡ được tính bằng đơn giá xếp dỡ container thông thường cộng với tổng phụ thu đối với xếp dỡ container nguy hiểm và quá khổ/quá tải.
- Đối với container lạnh chứa hàng khô thông thường và không cấm điện: phí xếp dỡ sẽ được tính như đối với container hàng khô.
- Đối với container hàng xuất chuyển ra ngoài tái chế, Cảng thu như giao nguyên/rút ruột container hàng nhập lên phương tiện của khách hàng cộng với cước đảo chuyển theo quy định tại Bảng 06 - Mục 2b.
- Trường hợp hạ bãi đối với container hàng nhập (kể cả container khô và container lạnh) chuyển từ các cảng nội địa khác về (ngoài các Cảng của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn): cảng chỉ tiếp nhận hạ bãi với điều kiện container không chứa hàng nguy hiểm thuộc nhóm 1 và nhóm 7, và có thời gian lưu bãi tại cảng nội địa khác

không quá 10 ngày đối với container thường; không quá 05 ngày đối với container hàng nguy hiểm kể từ ngày nhập về Việt Nam. Cảng thu cước xếp dỡ từ phương tiện của khách hàng xuống bãi như sau:

Bảng 07:

Đơn vị tính: VNĐ/container

Loại hàng đóng container	20' DC	40' DC	45'DC
Hàng thông thường	840.000	1.260.000	1.260.000
Hàng nguy hiểm	1.260.000	1.890.000	1.890.000

h. Đối với container hàng (cả khô và lạnh) đã hạ bãi chờ xuất theo kế hoạch hoặc đã đóng hàng ở Cảng không được chuyển ra ngoài xuất tại các cảng nội địa khác (ngoài các Cảng của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn), Cảng thu cước nâng container giao lên phương tiện của khách hàng như sau:

Bảng 8:

Đơn vị tính: VNĐ/cont

Loại hàng đóng container	20' DC	40' DC	45'DC
Hàng thông thường, hàng nguy hiểm	840.000	1.260.000	1.260.000

Ghi chú: nếu phát sinh đảo chuyển container, phí đảo chuyển thu theo đơn giá tại Bảng 06 - Mục 2b.

1.2. Đối với container rỗng:

1.2.1. Tác nghiệp tại cầu tàu:

Bảng 9:

Đơn vị tính: VNĐ/container

TT	Phương án làm hàng	Container khô và container lạnh		
		20' DC	40' DC	45'DC
1	Sà lan – Bãi / Bãi –Sà lan	330.000	506.000	660.000
2	Sà lan – Xe / Xe - Sà lan	215.000	335.000	400.000

1.2.2. Tác nghiệp tại bãi:

Bảng 10:

Đơn vị tính: VNĐ/container

Đơn vị tính: VNĐ/container

TT	Phương án làm hàng	Container khô và container lạnh		
		20'	40'	45'
1	Nâng/hạ container từ bãi - xe khách hàng (hoặc ngược lại)	176.000	286.000	396.000
2	Hạ container rỗng phục vụ sửa chữa, phục vụ ráp thiết bị, kiểm tra độ ẩm (không phân biệt sau đó container có được chọn để cấp đóng hàng hay không)	120.000	170.000	235.000

1.2.3. Các qui định khác đối với container rỗng:

Đối với container rỗng đặc biệt (Opentop, Flatrack, Tank, ...) : đơn giá xếp dỡ được tính như đối với container rỗng thường.

2/ Cước đóng/rút container:

3/ Cước phục vụ container lạnh:

4/ Các loại cước khác: